

Giới thiệu kết quả nghiên cứu KH&CN tại TP. HCM

✧ YÊN LƯƠNG

Đề tài: Khảo sát tỷ lệ dị tật bẩm sinh mắt tại bệnh viện Mắt TP.HCM và tuyến cơ sở

Chủ nhiệm đề tài: TS. BS. Lê Đỗ Thùy Lan

Cơ quan chủ trì: Trường ĐHY khoa Phạm Ngọc Thạch

Cơ quan quản lý: Sở Khoa học và Công nghệ TP. HCM

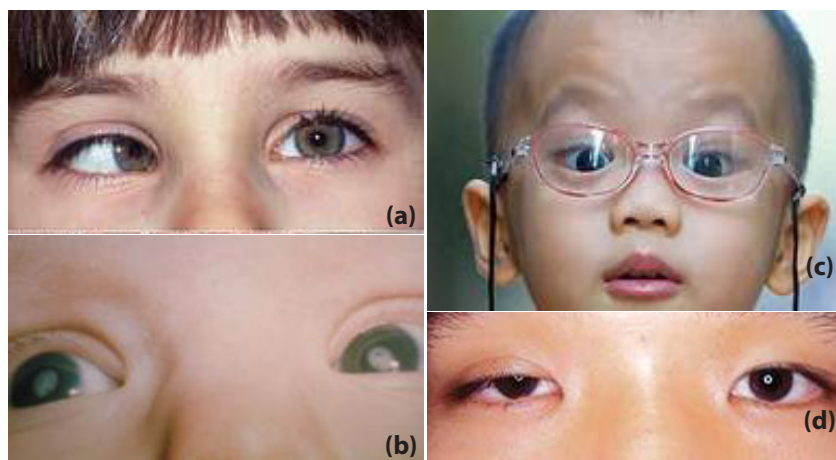
Năm hoàn thành: 2010.



Dị tật bẩm sinh mắt là một trong các nguyên nhân gây mù ở trẻ em. Tại bệnh viện Mắt TP.HCM, hàng năm trung bình có khoảng 2.300 trẻ đến điều trị bệnh mắt, trong đó có nhiều trẻ dị tật bẩm sinh mắt. Nhiều trẻ được điều trị muộn nên chỉ mang lại lợi ích về mặt thẩm mỹ, không thể hồi phục thị lực và trẻ đã trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội. Nghiên cứu tiến hành tại khoa mắt Nhi, Bệnh viện Mắt TP.HCM và các bệnh viện có chuyên khoa mắt tuyến quận huyện nhằm xác định tỷ lệ dị tật bẩm sinh mắt, các yếu tố liên quan nguy cơ gây dị tật, biến chứng mù do dị tật, xây dựng quy trình chẩn đoán và can thiệp sớm dị tật, tránh mù lòa.

Kết quả, tổng số mẫu ngẫu nhiên thu thập tại Bệnh viện Mắt TP.HCM 10 năm (2000-2009) là 2.320 ca, năm 2009 dị tật bẩm sinh mắt là 162 ca, mẫu ở các bệnh viện tuyến cơ sở là 84. Tỷ lệ dị tật bẩm sinh mắt trong số trẻ khám mắt của các bệnh viện có chuyên khoa mắt TP.HCM là 4,7/1.000. Tiền sử mẹ mang thai liên quan đến dị tật mắt chiếm tỷ lệ 0,82%, tiền sử gia đình có liên quan đến dị tật mắt là 9,76%. Biến chứng của dị tật bẩm sinh mắt trong 10 năm qua: tỷ lệ mù là 0,697%, trong đó mù glôcôm bẩm sinh là 0,61%; nhược thị là 1,66%, trong đó nhược thị do đục thể thủy tinh bẩm sinh là 0,71%, nhược thị do sụp mí bẩm sinh là 0,35%, do lé là 0,35%.

Việc chẩn đoán và điều trị đang phân cấp theo hai tuyến: bệnh viện có chuyên khoa mắt quận huyện thuộc TP.HCM, Bệnh viện Mắt TP.HCM. Nhóm tác giả đã xây dựng quy trình chẩn đoán và điều trị theo ba cấp: cấp 1, tuyến cơ sở - trạm y tế (tuyên truyền giáo dục sức khỏe, hướng dẫn dự phòng, phát hiện sớm dị tật khi chích ngừa cho trẻ...); cấp 2, tuyến cơ sở - bệnh viện có chuyên khoa mắt quận huyện (chẩn đoán phát hiện sớm dị tật bẩm sinh mắt, điều trị sơ cấp cứu glôcôm bẩm sinh, dị tật mí mắt, điều trị dị tật bẩm sinh thông thường như tắc lệ đạo, dò lệ đạo...); cấp 3, tuyến trên - Bệnh viện Mắt TP.HCM (điều trị dị tật bẩm sinh mắt, hạn chế tác hại, biến chứng, quản lý mạng lưới kiểm soát dị tật từ tuyến cơ sở...). Vấn đề đặt ra là cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bệnh viện chuyên sâu về mắt nhi và các bệnh viện có chuyên khoa mắt quận huyện thuộc TP.HCM để tạo một dây chuyền kiểm soát dị tật bẩm sinh mắt ở TP.HCM, sau này có thể nhân rộng ở các tuyến tỉnh thành phía Nam. Cần tổ chức một đội ngũ bác sĩ nhi chuyên sâu về dị tật bẩm sinh mắt và tập huấn cho các bác sĩ chuyên khoa mắt thuộc tuyến cơ sở về dị tật. Từ đó tạo mạng lưới kiểm soát dị tật rộng khắp TP.HCM để tránh bỏ sót dị tật, nhất là những nơi bệnh nhân không có khả năng điều trị. □



Một số hình ảnh dị tật bẩm sinh mắt: (a) Lác mắt; (b) Thể thủy tinh bị đục; (c) Nhược thị; (d) Sụp mí mắt ...

**Đề tài: Phát triển thương mại bán lẻ trên địa bàn TP.HCM
đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế**

Chủ nhiệm đề tài: GS. TS. Nguyễn Đông Phong

Cơ quan chủ trì: Trường ĐH Kinh tế TP.HCM

Cơ quan quản lý: Sở Khoa học và Công nghệ TP. HCM

Năm hoàn thành: 2010.



Đề tài được thực hiện nhằm đề xuất hệ thống các giải pháp phát triển thương mại thành phố, đáp ứng các yêu cầu hội nhập kinh tế. Theo đó, cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, ngành thương mại bán lẻ của TP.HCM đang có những bước chuyển biến tích cực theo hướng văn minh, hiện đại. Nhiều hình thức kinh doanh bán lẻ mới xuất hiện có tác động tích cực lẫn hạn chế đến thị trường và người tiêu dùng. Tuy nhiên, nhìn chung quá trình chuyển biến hệ thống phân phối bán lẻ trên địa bàn thành phố nói riêng và cả nước nói chung chưa mang tính “cách mạng” tạo thay đổi về chất cho hoạt động thương mại, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao mức sống người dân. So với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới thì sự chuyển dịch thương mại bán lẻ của thành phố còn chậm: chợ cũ còn nguyên về số lượng nhưng hạ tầng cơ sở đã xuống cấp; chợ tạm, chợ cóc sau nhiều nỗ lực dẹp, nhưng số lượng không giảm; người buôn bán cá thể, buôn bán rong ngày càng đông, ảnh hưởng hạn chế tới bộ mặt văn minh đô thị, đến an toàn của người tiêu dùng, gây khó khăn cho công tác quản lý thị trường thành phố.

Từ những đánh giá tổng kết thực trạng phát triển thương mại trên địa bàn thành phố qua các giai đoạn, đặc biệt sau khi Việt Nam gia nhập WTO, nhóm tác giả đã tìm hiểu và tổng kết những nhân tố khách quan và chủ quan tác động thuận lợi và không thuận lợi đến hoạt động thương mại bán lẻ trên địa bàn thành phố. Từ đó đề xuất 8 chiến lược để tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi cho hoạt động thương mại phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu hội nhập

và nâng cao khả năng cạnh tranh cho các nhà thương mại trong nước: mở cửa mạnh hơn cho hoạt động đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực thương mại; xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển thương mại trên địa bàn thành phố; nâng cao khả năng cạnh tranh của hệ thống phân phối nội địa trên địa bàn thành phố; hoàn thiện môi trường kinh doanh thuận lợi cho hoạt động thương mại bán lẻ; nâng cấp chợ truyền thống đáp ứng yêu cầu hội nhập; dịch chuyển nhanh hoạt động thương mại bán lẻ từ chợ truyền thống sang thương mại hiện đại; phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực thương mại; đa dạng hóa các loại hình kinh doanh thương mại.

Khó khăn lớn nhất khi thực hiện những giải pháp đề xuất là còn quá nhiều hạn chế trong hệ thống pháp lý và quy hoạch phát triển thương mại ở tầm vĩ mô, và quan điểm của

nhiều nhà quản lý và các nhà kinh doanh nội địa vẫn cho rằng phát triển thương mại bán lẻ rất dễ, chỉ cần có chính sách bảo hộ khôn khéo. Nhưng nhóm tác giả cho rằng, phát triển thương mại có tổ chức một cách bền vững là việc làm rất khó nếu không có quan điểm đúng và thực thi các biện pháp quyết liệt. Đề tài cũng đưa ra các kiến nghị với Chính phủ và Bộ Công thương về các cơ chế chính sách liên quan đến thương mại ổn định...; với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước về cơ chế ưu đãi tài chính cho các thành phần kinh tế...; với UBND thành phố và Sở Công thương TP.HCM về cơ chế chính sách hỗ trợ thực hiện chuyển dịch thương mại bán lẻ của thành phố từ truyền thống sang hiện đại, tự phát tự do sang phát triển có chiến lược, xây dựng cơ chế quản lý giá các mặt hàng thiết yếu theo kiểu quản lý giá cổ phiếu...□

Đề tài: Nghiên cứu quy luật diễn biến chất lượng không khí từ số liệu quan trắc tại 9 trạm quan trắc không khí tự động và xây dựng bản đồ phân bố ô nhiễm cho TP.HCM

**Chủ nhiệm đề tài: PGS. TS. Nguyễn Đình Tuấn,
TS. Lê Hoàng Nghiêm**

Cơ quan chủ trì: Trường Cao đẳng Tài nguyên & Môi trường TP.HCM

Cơ quan quản lý: Sở Khoa học và Công nghệ TP. HCM

Năm hoàn thành: 2010.

Từ nhiều năm, TP.HCM có 9 trạm quan trắc tự động chất lượng không khí hoạt động khá tốt, tích lũy hàng triệu số liệu quan trắc. Tuy nhiên, các số liệu quan trắc này chỉ mới được xử lý sơ bộ để báo cáo định kỳ mà chưa được phân tích kiểm tra chất lượng và đánh giá độ tin cậy của số liệu quan trắc. Việc

đánh giá độ tin cậy số liệu quan trắc phục vụ cho việc phân tích quy luật diễn biến các chất ô nhiễm không khí, phân tích nhận diện các khu vực bị ô nhiễm không khí nặng trên địa bàn TP.HCM đồng thời sử dụng kết hợp với công cụ mô hình, xây dựng mô hình dự báo chất lượng không khí cho TP.HCM là cần thiết, góp phần



Trạm Thống Nhất



Trạm Thảo Cầm Viên

bảo vệ môi trường không khí.

Để tài được thực hiện nhằm nghiên cứu quy luật diễn biến chất lượng không khí ở TP.HCM qua phân tích dữ liệu đo đạc từ các trạm quan trắc tự động; áp dụng công cụ mô hình chất lượng không khí 3D và dữ liệu quan trắc để xây dựng bản đồ phân bố ô nhiễm cho TP.HCM.

Kết quả tổng hợp và phân tích các số liệu quan trắc của 9 trạm quan trắc không khí tự động (Doste, Thống Nhất, Thủ Đức, Thảo Cầm Viên, Quang Trung...) cho thấy, chỉ có thể sử dụng các số liệu từ năm 2003-2007 (có độ tin cậy > 70%) phục vụ cho mục đích nghiên cứu và đánh giá mức độ ô nhiễm không khí tại TP.HCM. Các chất ô nhiễm không khí CO, NO, NO₂, SO₂, bụi PM₁₀ thường có nồng độ cao nhất vào khoảng thời gian cao điểm giao thông từ 7g-9g, 17g-19g và ban đêm khi lượng xe tải lưu thông tăng lên, nồng độ thấp nhất trong khoảng 2g-4g và 11g-14g. Nồng độ PM₁₀ theo giờ trong ngày tại các trạm quan trắc trong giai đoạn mùa khô (tháng 12 đến tháng 3) cao hơn trong mùa mưa (tháng 5 đến tháng 11) hơn 2 lần. Các vị trí ảnh hưởng của giao thông thường có nồng độ PM₁₀ cao. Nồng độ khí quang hóa O₃ thường cao nhất ở khoảng thời gian từ 11h-14h vào mùa mưa, sớm hơn so với khoảng thời gian có nồng độ cực đại 15h-16h vào mùa khô. Nồng độ O₃ cao vào các tháng mùa khô từ tháng 11-3, thấp

nhất vào các tháng mùa mưa (7,8,9). Chênh lệch nồng độ giữa mùa khô và mùa mưa khoảng 2-3 lần. Các khu vực ngoại thành có nồng độ O₃ cao hơn nội thành. Nồng độ CO trong mùa mưa thường có xu hướng cao hơn mùa khô, chênh lệch khoảng 2-3 lần. Nồng độ NO₂ tăng cao vào các tháng mùa khô (tháng 10-3), thấp nhất vào các tháng mùa mưa (6-9), chênh lệch từ 2-4,5 lần. Nồng độ trung bình năm của PM₁₀ tại các trạm quan trắc đều vượt giá trị cho phép của quy chuẩn không khí xung quanh QCVN 05:2009. Nồng độ ozon trung bình năm tại các trạm ngoại thành khoảng 50 ug/m³, cao hơn so với các trạm nội thành khoảng 5-10 ug/m³.

Hiện nay mạng lưới các trạm quan trắc không khí tự động của TP.HCM đã cũ và không còn hoạt động hiệu quả, do đó các cơ quan có thẩm quyền cần nhanh chóng xem xét đầu tư để xây dựng và phát triển mạng lưới mới; điều tra xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn thải (emission inventory) phục vụ cho công tác quản lý và dự báo chất lượng không khí TP.HCM. Thiết lập cơ chế trao đổi thông tin, số liệu quan trắc môi trường nói chung và chất lượng không khí nói riêng để có thể trao đổi học thuật, kinh nghiệm xử lý thông tin, số liệu quan trắc môi trường phục vụ trong xây dựng các chính sách về môi trường. □



Trời mưa. Một cặp vợ chồng đi ngoài phố. Người chồng cầm ô che mưa một mình, người vợ bực tức gắt:

- Anh chỉ biết có mình! Em bị ướt hết cả rồi mà anh không đầu khổ sao?

- Em yêu! Em bị ướt anh rất đau khổ, còn nếu anh bị thì em lại đau khổ!... Vậy hãy để anh gánh chịu đau khổ một mình.

Hai vợ chồng lớn tuổi ghé vào ăn tại một quán ven đường. Ăn xong, khi đã lên xe đi được khá xa, bà vợ mới sực nhớ là mình quên cặp kính trên bàn ăn. Suốt quãng đường trở lại quán, ông chồng luôn mồm cần nhân tính đoảng vị, hay quên của bà vợ. Đến chỗ cũ, khi bà vợ tất tả chạy vào tìm kính, ông chồng dặn với theo:

- Bà nhớ cầm ra luôn cho tôi cả mũ lẫn ô nhé!

(Sưu tầm)